

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày

tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng  
Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 5048/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2);*

*Căn cứ Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;*

*Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận (chủ đầu tư) tại Tờ trình số 02/TTr-SNNPTNT ngày 06/01/2023 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2);*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (Báo cáo thẩm định số 98/BC-TCTS-KHTC ngày 13 tháng 01 năm 2023).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện **Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2)**, với các nội dung như sau:

**1.** Phần công việc đã thực hiện, gồm: Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án; Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSĐT gói thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo NCKT; Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án; Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo NCKT; Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tổng kinh phí: 1.646.507.000 đồng.

**2.** Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, gồm: Chi phí Quản lý dự án; Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành công trình; Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng; Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu; Chi phí dự phòng. Tổng kinh phí: 12.384.782.000 đồng.

**3.** Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gồm:

- Số lượng: 22 gói thầu.

- Tổng kinh phí: 432.145.181.000 đồng.

- Tên gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; hình thức lựa chọn nhà thầu; phương thức lựa chọn nhà thầu; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu; loại hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng - *Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo đúng các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý đấu thầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện, yêu cầu chủ đầu tư:

**1.** Cập nhật giá gói thầu theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 53, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, trong đó: Giá gói thầu Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán công trình được cập nhật trên cơ sở nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Điều 76, Luật Xây dựng; giá gói thầu Rà phá bom mìn, vật nổ được cập nhật trên cơ sở phương án kỹ thuật thi công và dự toán Rà phá bom mìn vật nổ được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ và Thông tư số 195/2019/TT-BQP ngày 27/12/2019 của Bộ Quốc phòng.

**2.** Trường hợp có lý do cần điều chỉnh giá gói thầu, nội dung gói thầu, thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 117, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TCTS (10 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**Phụ lục:**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Phú Quý (giai đoạn 2)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TCTS ngày /01/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Đồng

| TT         | Tên gói thầu/<br>Nội dung công việc                                                                        | Giá gói thầu           | Nguồn vốn | Hình thức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Phương<br>Thức lựa<br>chọn nhà thầu | Thời gian bắt<br>đầu tổ chức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Loại hợp<br>đồng | Thời gian<br>thực hiện<br>hợp đồng |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Phần công việc đã thực hiện</b>                                                                         | <b>1.646.507.000</b>   |           |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 1          | Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án                | 57.519.000             | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 3          | Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án                                      | 1.086.543.000          | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 4          | Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo NCKT                                     | 8.586.000              | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 5          | Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi                                                                 | 180.950.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 6          | Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường                                                            | 304.043.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 7          | Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo NCKT                                 | 8.866.000              | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| <b>II</b>  | <b>Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu</b>                                            | <b>12.384.786.000</b>  |           |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 1          | Chi phí Quản lý dự án                                                                                      | 5.372.460.000          | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 2          | Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng                                                   | 24.675.000             | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 3          | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                                                                     | 329.063.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 4          | Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành công trình | 811.913.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 5          | Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng                                                                        | 252.000.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 6          | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu                                 | 127.161.000            | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 7          | Chi phí dự phòng                                                                                           | 5.467.514.000          | NSTW      |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| <b>III</b> | <b>Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu</b>                                                     | <b>432.145.181.000</b> |           |                                   |                                     |                                                      |                  |                                    |
| 1          | Gói thầu số 01: Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ lập thiết kế BVTC-DT                                | 100.000.000            | NSTW      | Chỉ định thầu                     |                                     | Quý I/ 2023                                          | Trọn gói         | 10 ngày                            |
| 2          | Gói thầu số 02: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn thiết kế giai đoạn TKBTC                 | 37.439.000             | NSTW      | Chỉ định thầu                     |                                     | Quý I/2023                                           | Trọn gói         | 60 ngày                            |

| TT | Tên gói thầu/<br>Nội dung công việc                                                                                                                                                                         | Giá gói thầu    | Nguồn vốn | Hình thức<br>lựa chọn nhà<br>thầu            | Phương<br>Thức lựa<br>chọn nhà thầu | Thời gian bắt<br>đầu tổ chức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Loại hợp<br>đồng        | Thời gian<br>thực hiện<br>hợp đồng               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|----------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|
| 3  | Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán                                                                                                                                     | 8.458.899.000   | NSTW      | Đấu thầu rộng<br>rãi trong nước,<br>qua mạng | 01 giai đoạn,<br>02 túi hồ sơ       | Quý I/ 2023                                          | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 4  | Gói thầu số 04: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn<br>lập thiết kế BVTC                                                                                                                   | 148.899.000     | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý I/2023                                           | Trọn gói                | 30 ngày                                          |
| 5  | Gói thầu số 05: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán                                                                                                                                                     | 444.237.000     | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý II/2023                                          | Trọn gói                | 30 ngày                                          |
| 6  | Gói thầu số 06: Tư vấn đo đạc lập hồ sơ giao diện tích mặt nước biển                                                                                                                                        | 432.010.000     | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý I-II/2023                                        | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 7  | Gói thầu số 07: Điều tra khảo sát, lập phương án KTTC - dự toán rà<br>phá bom mìn vật nổ                                                                                                                    | 82.387.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý I/2023                                           | Trọn gói                | 30 ngày                                          |
| 8  | Gói thầu số 08: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói<br>thầu rà phá bom mìn vật nổ                                                                                                         | 18.140.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý I-II/2023                                        | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 9  | Gói thầu số 09: Tư vấn giám sát thi công rà phá bom mìn vật nổ                                                                                                                                              | 71.347.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý I-II/2023                                        | Trọn gói                | 45 ngày                                          |
| 10 | Gói thầu số 10: Rà phá bom mìn vật nổ                                                                                                                                                                       | 2.746.266.000   | NSTW      | Chỉ định thầu                                | 01 giai đoạn,<br>01 túi hồ sơ       | Quý I-II/2023                                        | Trọn gói                | 45 ngày                                          |
| 11 | Gói thầu số 11: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi<br>công xây dựng                                                                                                                      | 190.444.000     | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý III/2023                                         | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 12 | Gói thầu số 12: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu<br>mua sắm vật tư, thiết bị                                                                                                               | 9.705.000       | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý II/2024                                          | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 13 | Gói thầu số 13: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư<br>vấn giám sát                                                                                                                        | 24.189.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý III/2023                                         | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 14 | Gói thầu số 14: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói<br>thầu bảo hiểm                                                                                                                      | 20.306.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý III/2023                                         | Trọn gói                | 60 ngày                                          |
| 15 | Gói thầu số 15: Bảo hiểm công trình                                                                                                                                                                         | 3.483.079.000   | NSTW      | Đấu thầu rộng<br>rãi trong nước,<br>qua mạng | 01 giai đoạn,<br>01 túi hồ sơ       | Quý III/2023                                         | Trọn gói                | 24 tháng + 12<br>tháng bảo<br>hành công<br>trình |
| 16 | Gói thầu số 16: Tư vấn giám sát thi công xây dựng                                                                                                                                                           | 4.435.762.000   | NSTW      | Đấu thầu rộng<br>rãi trong nước,<br>qua mạng | 01 giai đoạn,<br>02 túi hồ sơ       | Quý III/2023                                         | Trọn gói                | 24 tháng                                         |
| 17 | Gói thầu số 17: Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị                                                                                                                                                            | 29.758.000      | NSTW      | Chỉ định thầu                                |                                     | Quý II/2024                                          | Trọn gói                | 12 tháng                                         |
| 18 | Gói thầu số 18: Thi công xây dựng (bao gồm: nạo vét vũng neo tàu và<br>luồng tàu; hệ thống phao báo hiệu luồng; kè bảo vệ bờ; hệ thống phao<br>neo; san lấp mặt bằng; Hạng mục phục vụ thi công công trình) | 372.949.250.000 | NSTW      | Đấu thầu rộng<br>rãi trong nước,<br>qua mạng | 01giai đoạn,<br>02 túi hồ sơ        | Quý III/2023                                         | Theo đơn giá<br>cố định | 24 tháng                                         |

| TT | Tên gói thầu/<br>Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                          | Giá gói thầu           | Nguồn vốn                                                                                                   | Hình thức<br>lựa chọn nhà<br>thầu         | Phương<br>Thức lựa<br>chọn nhà thầu | Thời gian bắt<br>đầu tổ chức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Loại hợp<br>đồng     | Thời gian<br>thực hiện<br>hợp đồng |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------|
| 19 | Gói thầu số 19: Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Hệ thống cấp nước; Đường dây trung thế; Trạm Biến áp; Đường dây hạ thế; Chiếu sáng; Trạm xử lý thải; Thoát nước mưa, nước thải; Bể nước, trạm bơm; Đường nội bộ; Nhà quản lý, vệ sinh, bảo vệ; Cổng, tường rào) | 33.423.413.000         | NSTW                                                                                                        | Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng    | 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ          | Quý III/2023                                         | Theo đơn giá cố định | 18 tháng                           |
| 20 | Gói thầu số 20: Mua sắm, lắp đặt thiết bị                                                                                                                                                                                                                                    | 4.069.927.000          | NSTW                                                                                                        | Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng | 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ          | Quý II/2024                                          | Trọn gói             | 30 ngày                            |
| 21 | Gói thầu số 21: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn kiểm toán                                                                                                                                                                                           | 7.849.000              | NSTW                                                                                                        | Chỉ định thầu rút gọn                     |                                     | Quý III-IV/2025                                      | Trọn gói             | 60 ngày                            |
| 22 | Gói thầu số 22: Kiểm toán độc lập                                                                                                                                                                                                                                            | 961.875.000            | NSTW                                                                                                        | Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng    | 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ          | Quý III-IV/2025                                      | Trọn gói             | 60 ngày                            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>446.176.474.000</b> | <b>Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi sáu mươi tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm mười ba nghìn đồng./.</b> |                                           |                                     |                                                      |                      |                                    |